

Số: 11/TB-HVKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ – ĐỢT 1 NĂM 2021

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Căn cứ Quyết định số 2543/QĐ-VHL ngày 28/12/2018 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc phê duyệt Chương trình đào tạo tiến sĩ chất lượng cao tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Học viện Khoa học và Công nghệ (KHCN) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1-2021 như sau:

1. Chuyên ngành đào tạo: 39 chuyên ngành. Danh mục chi tiết các chuyên ngành tuyển sinh và chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển xem tại *Phụ lục 1-TS*.

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Hệ tập trung: Đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm, có bằng đại học là 4 năm.
- Hệ không tập trung: Đối với người có bằng thạc sĩ là 4 năm, có bằng đại học là 5 năm.

3. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Các điều kiện đối với người dự tuyển và Tiêu chuẩn đối với người hướng dẫn nghiên cứu sinh như tại *Phụ lục 2-TS*.
 - Hồ sơ đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh theo mẫu tại *Phụ lục 3-TS*.
 - Có ít nhất 01 thư giới thiệu của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu theo *Mẫu 3.4-TS*.
 - Có 01 đề cương nghiên cứu đề tài luận án viết theo hướng dẫn tại *Mẫu 3.5-TS*.
- 4. Điều kiện tốt nghiệp:** Công bố ít nhất 01 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế thuộc danh mục ISI và 01 bài báo quốc tế có phản biện (hội nghị, hội thảo ...) về các kết quả nghiên cứu của luận án.

5. Đăng ký dự tuyển:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày **11/01/2021** đến hết **31/03/2021**



- Thí sinh có thể nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển (bản cứng) theo hai hình thức:
+ Nộp trực tiếp tại Học viện KHCN và các cơ sở của Viện Hàn lâm KHCNVN tại TP. Hồ Chí Minh, TP. Nha Trang, TP. Đà Lạt như trong *Phụ lục 4-TS*.

+ Gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Học viện Khoa học và Công nghệ, Nhà A28, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Ghi rõ: "**Hồ sơ dự tuyển NCS đợt 1-2021**".

Các thí sinh cần đăng ký thông tin trực tuyến tại địa chỉ: <http://www.gust.edu.vn> trước **16 giờ 00 ngày 31/03/2021** và nộp bản cứng hồ sơ về Học viện KHCN trước hạn nhận hồ sơ nêu trên.

6. Kinh phí tuyển sinh:

- Phí dự tuyển: 1.500.000 đ/ thí sinh

- Nộp phí tuyển sinh: Chỉ nộp theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Học viện KHCN:

Tên tài khoản: Học viện Khoa học và Công nghệ

Số TK: 11810000188189

Tại: BIDV chi nhánh Bắc Hà

Ghi rõ nội dung chuyển tiền: "**Họ tên. Nộp phí dự tuyển NCS đợt 1-2021**"



7. Thời gian xét tuyển: Dự kiến từ ngày 15/04/2021 – 15/05/2021

Thông tin chi tiết xin liên hệ với nơi tiếp nhận hồ sơ và xem tại Website của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gust.edu.vn>, hoặc chuyên viên Nguyễn Thị Minh Tâm, điện thoại: 02438689977, 0946082099.

Nơi nhận:

- Giám đốc Học viện (để báo cáo);
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Viện HL KHCNVN (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Học viện;
- Các đơn vị trực thuộc Viện HL KHCNVN;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, THPT;
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Cổng thông tin điện tử của Học viện;
- Lưu VT, KT, ĐT, ĐTH.50.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Trung

**CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
VÀ CHUYÊN NGÀNH PHÙ HỢP DỰ TUYỂN**

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chuyên ngành phù hợp
I	Khoa Vật lý		
1.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	9440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán
2.	Vật lý chất rắn	9440104	Vật lý chất rắn
3.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	9440106	Vật lý nguyên tử; Kỹ thuật hạt nhân
4.	Quang học	9440110	Quang học
II	Khoa Hóa học		
5.	Hóa vô cơ	9440113	Hóa hữu cơ; Hóa dầu; Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa môi trường; Vật liệu điện tử; Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Kim loại học; Khoa học môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Hóa sinh học
6.	Hóa hữu cơ	9440114	Hóa hữu cơ; Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa vô cơ; Hóa dầu; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa môi trường; Vật liệu điện tử; Kim loại học; Khoa học môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Hóa sinh học
7.	Hóa học các hợp chất thiên nhiên	9440117	Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa vô cơ; Hóa hữu cơ; Hóa dầu và xúc tác hữu cơ; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa môi trường; Hóa dược; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Hóa sinh học
8.	Hóa phân tích	9440118	Hóa phân tích; Hóa hữu cơ; Hóa dầu; Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa vô cơ; Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa môi trường; Vật liệu điện tử; Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Kim loại học; Khoa học môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Hóa sinh học
9.	Hóa lý thuyết và hóa lý	9440119	Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa hữu cơ; Hóa dầu; Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa phân tích; Hóa vô cơ; Hóa môi trường; Vật liệu điện tử; Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Kim loại học; Khoa học môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Hóa sinh học
10.	Kỹ thuật hóa học	9520301	Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật vật liệu; Hóa hữu cơ; Hóa dầu; Hóa học các hợp chất thiên nhiên; Hóa phân tích; Hóa lý thuyết và hóa lý; Hóa môi trường; Vật liệu điện tử; Kim loại học; Khoa học môi trường; Hóa vô cơ; Kỹ thuật vật liệu; Hóa sinh học

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chuyên ngành phù hợp
III Khoa Sinh thái và Tài nguyên sinh vật			
11.	Động vật học	9420103	Động vật học
12.	Ký sinh trùng học	9420105	Ký sinh trùng học
13.	Côn trùng học	9420106	Côn trùng học
14.	Thực vật học	9420111	Thực vật học
15.	Sinh thái học	9420120	Sinh thái học
16.	Tuyển trùng học	Thí điểm	Tuyển trùng học
IV Khoa Địa lý			
17.	Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý	9440214	Địa chất học; Khoáng vật học và địa hoá học; Địa vật lý; Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý; Địa lý tự nhiên; Địa mạo và cổ địa lý; Địa lý tài nguyên và môi trường; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hải dương học
18.	Địa lý tự nhiên	9440217	Địa lý tự nhiên; Khí tượng và khí hậu học; Địa lý tài nguyên và môi trường; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; Khoa học Trái Đất; Khoa học môi trường; Địa lý học; Quản lý đất đai
19.	Địa lý tài nguyên và môi trường	9440219	Địa lý tự nhiên; Địa lý học; Địa lý tài nguyên và môi trường; Quản lý Tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường; Địa chất thủy văn; Địa chất công trình
20.	Thủy văn học	9440224	Thủy văn học; Kỹ thuật tài nguyên nước; Khoa học Trái Đất; Khoa học môi trường; Quản lý Tài nguyên và Môi trường
V Khoa Các khoa học trái đất			
21.	Vật lý địa cầu	9440111	Khí tượng và khí hậu học; Thiên văn học; Khoa học môi trường; Môi trường không khí
22.	Địa chất học	9440201	Khoa học môi trường; Môi trường đất và nước; Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý; Quản lý Tài nguyên và môi trường
23.	Khoáng vật học và địa hóa học	9440205	Địa chất học; Khoa học môi trường; Môi trường đất và nước
24.	Địa vật lý	9440210	Địa chất học; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát
25.	Địa mạo và cổ địa lý	9440218	Địa lý tự nhiên; Địa lý Tài nguyên và môi trường; Địa chất học; Quản lý Tài nguyên và Môi trường
VI Khoa Khoa học và Công nghệ biển			
26.	Thủy sinh vật học	9420108	Sinh thái học; Công nghệ sinh học; Nuôi trồng thủy sản; Quản lý nguồn lợi thủy sản; Thực vật học; Động vật học; Côn trùng học (côn trùng mặt nước); Tuyển trùng học(tuyển trùng biển); Sinh học thực nghiệm; Sinh học - môi trường
27.	Quản lý tài nguyên và môi trường	9850101	Môi trường; Quản lý Tài nguyên và môi trường; Địa mạo và cổ địa lý; Địa lý tự nhiên; Bản đồ, viễn thám và hệ

TT	Chuyên ngành	Mã số	Chuyên ngành phù hợp
			thông tin địa lý; Địa chất và khoáng sản khu vực; Khoáng chất công nghiệp; Hải dương học; Sinh học; Công nghệ sinh học; Khí tượng và khí hậu học; Thủy văn học; Hoá môi trường; Nuôi trồng thủy sản; Kỹ thuật môi trường
VII Khoa Khoa học vật liệu và Năng lượng			
28.	Vật liệu điện tử	9440123	Vật lý; Vật lý kỹ thuật; Công nghệ nano; Khoa học vật liệu; Vật liệu điện tử; Quang học; Hóa học; Dược học
29.	Vật liệu cao phân tử và tổ hợp	9440125	Hóa học; Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Dược học
30.	Vật liệu quang học, quang điện tử và quang tử	9440127	Vật lý; Vật lý kỹ thuật; Quang học; Công nghệ nano; Khoa học vật liệu; Hóa học; Dược học
31.	Kim loại học	9440129	Vật lý; Luyện kim (Kim loại đen, Luyện kim màu, Nhiệt luyện, Xử lý bề mặt); Khoa học vật liệu; Công nghệ cơ khí; Công nghệ vật liệu; Công nghệ gia công vật liệu
32.	Kỹ thuật năng lượng	Thí điểm	Kỹ thuật năng lượng; Kỹ thuật nhiệt; Kỹ thuật công nghiệp; Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật cơ - điện tử; Kỹ thuật xây dựng công trình năng lượng; Kỹ thuật hóa học; Quản lý năng lượng; Khoa học vật liệu; Công nghệ vật liệu
VIII Khoa Công nghệ sinh học			
33.	Sinh lý học người và động vật	9420104	Sinh lý học người và động vật; Sinh học thực nghiệm; Công nghệ sinh học; Hóa sinh học; Chăn nuôi; Thú y; Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản
34.	Vi sinh vật học	9420107	Vi sinh vật học; Sinh học thực nghiệm; Công nghệ sinh học; Vi sinh y học
35.	Sinh lý học thực vật	9420112	Sinh lý học thực vật; Sinh học thực nghiệm; Công nghệ sinh học
36.	Lý sinh học	9420115	Lý sinh học; Sinh học thực nghiệm; Công nghệ sinh học; Lý sinh y học
37.	Hóa sinh học	9420116	Hóa sinh học, Sinh học thực nghiệm, Công nghệ sinh học, Hóa môi trường, Hóa sinh dược
38.	Di truyền học	9420121	Di truyền học; Sinh học thực nghiệm; Công nghệ sinh học; Di truyền và chọn giống cây trồng; Chăn nuôi; Lâm học
39.	Công nghệ sinh học	9420201	Công nghệ sinh học; Sinh học thực nghiệm; Di truyền học; Di truyền và chọn giống cây trồng; Chăn nuôi; Lâm học; Sinh lý học người và động vật; Thú y; Bệnh lý học và chữa bệnh thủy sản; Vi sinh vật học; Vi sinh y học; Sinh lý học thực vật; Hóa sinh học; Hóa sinh dược

ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN
(Chương trình tiến sĩ chất lượng quốc tế)

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên đúng chuyên ngành với chuyên ngành đăng ký dự tuyển hoặc bằng thạc sĩ loại khá trở lên (*điểm trung bình từ 7,0 trở lên theo hệ số 10 hoặc 2,8 trở lên theo hệ số 4*) với các chuyên ngành ghi trong Phụ lục 1.1.

2. Là tác giả 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (*nếu ứng viên có nhiều công trình công bố thì photo tối đa 03 công trình tốt nhất*).

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm 3a khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm 3b khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại bảng tham chiếu dưới đây) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của Học viện KHCN.

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông báo số 536/TB-HVKhCN ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc công nhận và quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ (tiếng Anh) trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ tại Học viện Khoa học và Công nghệ)

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	≥ 45
2	IELTS	≥ 5.0
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Grade A
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

- (1). Đơn đăng ký dự tuyển (Mẫu 3.1-TS);
- (2). Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương đối với người dự tuyển làm nghề tự do (Mẫu 3.2-TS) hoặc Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan đối với người dự tuyển là công chức, viên chức (Mẫu 3.3-TS) trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- (3). Công văn giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ quan quản lý nhân sự (đối với người dự tuyển là công chức, viên chức) hoặc trường (nếu là sinh viên vừa tốt nghiệp). Không yêu cầu mục này với người dự tuyển làm nghề tự do.
- (4). Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (Là tác giả 01 bài báo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển (chỉ sao chụp tối đa 03 công trình tốt nhất kèm theo Hồ sơ)
- (5). Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- (6). Bản sao có công chứng các văn bằng chứng chỉ sau;
+ Bằng tốt nghiệp và bằng điểm Thạc sĩ, Đại học (01 bản);
+ Văn bằng/Chứng chỉ ngoại ngữ.
- (7). Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Mẫu 3.4-TS);
- (8). Đề cương nghiên cứu chi tiết (Mẫu 3.5-TS);
- (9). Lý lịch khoa học của người hướng dẫn dự kiến (Mẫu 3.6-TS), (tham khảo Tiêu chuẩn của người hướng dẫn NCS tại trang 23 của thông báo này). Nộp kèm ít nhất 01 bài báo SCIE do người hướng dẫn đứng tên tác giả chính.
- (10). Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc diện “Hiệp định công nhận tương đương về văn bằng giáo dục đại học”);
- (11). Các giấy tờ có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (nếu có).
- (12). 02 ảnh 4x6 (mới chụp, mặt sau ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, chuyên ngành dự tuyển);

Số lượng hồ sơ: 06 bộ, gồm 01 bản chính (không đóng quyển) và 05 bộ photo từ bản chính (đóng thành quyển theo thứ tự từ mục 1 đến mục 11);

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
(Chương trình tiến sĩ chất lượng quốc tế)

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): 2. Giới tính:
3. Ngày sinh: 4. Nơi sinh:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đối tượng dự thi: Thí sinh tự do Đang công tác
7. Cơ quan công tác hiện nay:
- Địa chỉ:
8. Chuyên môn công tác:..... Chức vụ:
9. Văn bằng đại học: Ngành:.....Hệ.....Loại: Năm:
- Trường:
10. Văn bằng cao học: Chuyên ngành:..... Điểm trung bình khóa học:
- Trường: Năm:
11. Số lượng bài báo khoa học đã công bố (nếu có) và bài photo kèm theo:
12. Chứng chỉ Tiếng Anh: Số điểm: Ngày cấp:
13. Chuyên ngành đăng ký dự thi:..... Mã số:
14. Hình thức đào tạo: Tập trung Không tập trung
15. Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại: E-mail:

Xác nhận của cơ quan hiện đang công tác
(Hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú nếu là thí sinh tự do)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đăng kí
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:

.....
.....
.....
.....

Họ và tên Mẹ: Năm sinh:

Cơ quan công tác:

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay:

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác:

.....
.....
.....
.....

Anh chị em ruột, vợ hoặc chồng, con (nếu có): *(Ghi rõ Họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, nơi công tác, học tập của từng người)*

.....
.....
.....
.....
.....

Lời cam đoan:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Xác nhận của UBND phường (xã)

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Các mẫu văn bản có thể tải về từ trang web của Học viện Khoa học và Công nghệ: <http://www.gv>

Mẫu 3.3-TS

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho ứng viên nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Quê quán: Dân tộc:

Học vị cao nhất: Năm, nơi công nhận học vị:

Chức danh khoa học (GS, PGS...): Năm công nhận, bổ nhiệm:

Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại liên hệ: CQ: NR:

 Fax: ĐĐ:

E-mail:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Ngành học: Hệ đào tạo:

Nơi đào tạo: Năm tốt nghiệp:

Bằng đại học thứ hai: Ngành học:

Nơi đào tạo: Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Bằng Thạc sĩ chuyên ngành:

Nơi đào tạo:

Ngày cấp bằng:

- Bằng Tiến sĩ/Tiến sĩ khoa học chuyên ngành:

Nơi đào tạo:

Ngày cấp bằng:

- Tên đề tài luận án bậc cao nhất:

.....

3. Ngoại ngữ:

1. Mức độ sử dụng:

2. Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo...) đã công bố:

Tên công trình, năm công bố, nơi công bố... (kèm theo bản photo minh chứng)

....., ngày ... tháng ... năm.....

Xác nhận của cơ quan công tác

Người khai kí tên
(Ghi rõ chức danh khoa học, học vị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3.4-TS

THƯ GIỚI THIỆU
THÍ SINH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ,
Học viện Khoa học và Công nghệ

Tôi tên là:

Học hàm, học vị: Năm công nhận:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: Email:

Tôi đã có thời gian công tác, hoạt động chuyên môn với ông/bà:
..... trong khoảng thời gian từ

là người dự tuyển nghiên cứu sinh của Học viện Khoa học và Công nghệ.

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức:
2. Năng lực hoạt động chuyên môn:
3. Phương pháp làm việc:
4. Khả năng nghiên cứu:
5. Khả năng làm việc theo nhóm:
6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:
7. Triển vọng phát triển về chuyên môn:

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu người dự tuyển làm NCS:

.....
.....

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệuvới Học viện để đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh khóa

Xin chân thành cảm ơn.

....., ngày tháng năm 20....

Người giới thiệu

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU CHI TIẾT

Mẫu trang bìa chính

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM.....

Tên đề tài:

“.....”

Tên người dự tuyển:

Cơ quan công tác:

Hà Nội, tháng .../20....

Mẫu trang bìa phụ

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
NĂM

Tên đề tài:

“.....”

Chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Tên người dự tuyển:

Cơ quan công tác:

Người hướng dẫn khoa học:

1.....

2.....

Hà Nội, tháng .../20...

Nội dung nghiên cứu

1. Đặt vấn đề:

Nêu lý do chọn đề tài, tính cấp thiết, tính mới của vấn đề nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu:

Tác giả cần tổng hợp các nghiên cứu đã thực hiện trong và ngoài nước có liên quan đến vấn đề nghiên cứu của người dự tuyển, qua đó cần phân tích bình luận về kết quả và những hạn chế/khoảng trống của các nghiên cứu đó để làm nổi bật tính cấp thiết và tính khả thi của đề tài dự tuyển. Trong đó người dự tuyển cần nêu rõ những quan điểm và phương pháp giải quyết riêng của mình

3. Mục tiêu, nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu:

- Mục tiêu của đề tài dựa trên tên của đề tài dự kiến, những kết quả nghiên cứu đi trước đã đạt được để đề ra mục tiêu nghiên cứu giải quyết vấn đề.

- Nội dung nghiên cứu: nội dung phải dựa trên mục tiêu nghiên cứu, toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài là giải quyết các mục tiêu đề ra.

- Đối tượng nghiên cứu: là đối tượng mà đề tài dự kiến nghiên cứu, trong đó cần nêu rõ phạm vi và giới hạn của đề tài, của đối tượng nghiên cứu (có thể đưa giới hạn đề tài vào cuối của mục 5)

- Phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần nêu rõ từng phương pháp mà đề tài sẽ áp dụng để đảm bảo đạt được mục tiêu-nội dung đã đề ra của đề tài, các phương pháp bố trí thí nghiệm, thu tập số liệu, xử lý số liệu, vv. Các phương pháp nghiên cứu trình bày theo từng nội dung nghiên cứu.

4. Những nghiên cứu/công việc liên quan đã thực hiện của người dự tuyển:

Nêu các nghiên cứu (đề tài, nhiệm vụ, vv) của người dự tuyển đã thực hiện có liên quan đến đề tài luận án dự kiến thực hiện; kinh nghiệm của người dự tuyển và tính khả thi của đề tài luận án.

5. Tiến độ học tập và nghiên cứu

Kế hoạch cần trình bày chi tiết, cụ thể theo các nội dung, hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu thực hiện khóa học và luận án của người dự tuyển.

TT	Nội dung/hoạt động	Sản phẩm phải đạt	Tiến độ thực hiện theo năm và quý															
			Năm 1				Năm 2				Năm 3				Năm 4			
			I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV
1																		
2																		
3																		

* Lưu ý: trong 24 tháng kể từ ngày được công nhận NCS (nếu có), học viên phải hoàn thành việc học bổ sung kiến thức, các học phần tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan; **Bảo vệ luận án cấp Học viện phải hoàn thành trong thời gian đào tạo** (bằng thời gian đào tạo chính thức ghi trong quyết định và thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng)

6. Dự kiến kết quả đạt được

Nêu các kết quả dự kiến đạt được, các đóng góp mới về khoa học và thực tiễn.

7. Danh mục tài liệu tham khảo mà người dự tuyển đã cập nhật làm cơ sở đề xuất đề tài tiến sĩ

Danh mục tài liệu tham khảo trình bày theo quy định. Trình bày tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt trước (xếp tên tác giả theo alphabet) và tài liệu tiếng Anh sau (xếp tên tác giả theo alphabet).

8. Người hướng dẫn dự kiến:

- Người hướng dẫn 1:

- + Họ và tên:
- + Học hàm, học vị:
- + Cơ quan công tác:
- + Điện thoại: Email:

- Người hướng dẫn 2:

- + Họ và tên:
- + Học hàm, học vị:
- + Cơ quan công tác:
- + Điện thoại: Email:

....., ngày tháng năm 20....

Người dự tuyển
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người hướng dẫn 1
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người hướng dẫn 2
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, HV)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sở hữu trí tuệ...) đã công bố

2.1. Bài báo khoa học

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Năm công bố	Tên tạp chí

2.2. Sách đã xuất bản

TT	Tên sách	Tên tác giả	Năm xuất bản, NXB	Dạng ấn phẩm, số trang

2.3. Sở hữu trí tuệ

TT	Tên bằng sáng chế	Tên tác giả	Số QĐ, nơi cấp	Năm bắt đầu /kết thúc hiệu lực

3. Số nghiên cứu sinh, học viên cao học đã và đang hướng dẫn:

1	Nghiên cứu sinh	Đã bảo vệ thành công LATS người
		Đang hướng dẫn người
2	Học viên cao học	Đã bảo vệ thành công LVThS người

		Đang hướng dẫn người
--	--	----------------	-------------

4. Lĩnh vực nghiên cứu và các hướng nghiên cứu dành cho NCS:

- Lĩnh vực nghiên cứu chính:.....
- Các hướng nghiên cứu dành cho NCS:

....., ngày ... tháng ... năm.....

Xác nhận của cơ quan công tác

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)